TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PT** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 30-3-2018
V/v tranh chấp về "Hôn nhân và Gia đình - Ly hôn, nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PT, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hữu Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thái Công Sết.
2. Ông Nguyễn Văn Ngân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Hữu Đức – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2018, tại Tòa án nhân dân huyện PT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 308A/2017/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp *"Hôn nhân và gia đình – Ly hôn, nuôi con khi ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 27 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1984. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 01, ấp PT B, xã PL, huyện PT, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Anh Huỳnh Hữu L, sinh năm 1980. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 03, ấp PL, xã PL, huyện PT, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 24 tháng 10 năm 2017 nguyên đơn là chị Nguyễn Ngọc D trình bày:

Vào năm 2001, sau thời gian tìm hiểu nhau chị và anh Huỳnh Hữu L thành vợ chồng, đến năm 2005 thì đăng ký kết hôn và được UBND xã PL, huyện PT, tỉnh An Giang cấp giấy Chứng nhận kết hôn số 23 ngày 23/3/2005. Sau khi thành vợ chồng, thời gian đầu chị với anh L chung sống tại thành phố Hồ Chí Minh cùng

làm công nhân, cuộc có hạnh phúc. Đến tháng 12/2008 do hoàn cảnh kinh tế khó khăn từ đó vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẩn, anh L thường xuyên nhậu nhẹt, chữi bới và đánh đập hành hạ chị kéo dài đến tháng 5/2009, nhận thấy không thể nào chung sống với anh L được nữa nên chị bỏ đi về quê tại xã PL sinh sống và chính thức ly thân đến nay.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là cháu Huỳnh Thị Mỹ A, sinh ngày 28/02/2002 hiện do chị đang nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Nay chị khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh L. Về con chung: Yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Huỳnh Thị Mỹ An, sinh ngày 28/02/2002, không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con. Ngoài ra chị còn có yêu cầu được vắng mặt tại phiên tòa do bận làm ăn xa.

Anh Huỳnh Hữu L đã được Tòa án niêm yết Thông báo thụ lý vụ án nhưng vẫn không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh đến tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải đến lần thứ hai; triệu tập đến tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng anh vẫn vắng mặt, không rõ lí do.

Theo biên bản xác minh lời khai ngày 30/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện PT đối với chị Đỗ Thị Ủ và bà Trần Thị Dúp là những người cùng xóm với chị D và anh L xác định anh L, chị D đã ly thân từ lâu và chỉ có một mình chị D đang nuôi dưỡng cháu Huỳnh Thị Mỹ A cho đến nay.

Tại bản tự khai ngày 16/01/2018 của cháu Huỳnh Thị Mỹ A, sinh ngày 28/02/2002 có nội dung thể hiện nguyện vọng của cháu là tiếp tục sống chung với mẹ là chị D sau khi cha mẹ ly hôn.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên phát biểu về quá trình tiến hành tố tụng như sau: Tòa án tiến hành thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án cũng như ban hành văn bản tố tụng, cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng đúng quy định.

Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa anh L, chị D là hôn nhân hợp pháp, anh chị đã chấm dứt quan hệ vợ chồng từ lâu cho đến nay nên chị D yêu cầu ly hôn là có căn cứ. Về con chung, từ trước đến nay các cháu Huỳnh Thị Mỹ A, sinh ngày 28/02/2002 do chị D nuôi dưỡng có môi trường sống tốt, ổn định và chị cũng có đầy đủ điều kiện để tiếp tục nuôi dưỡng cháu nên cần chấp nhận yêu cầu được tiếp tục nuôi con của chị D và phù hợp với nguyện vọng của cháu An.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Chị D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh L, yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung nên quan hệ tranh chấp của vụ án là "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – ly hôn, nuôi con khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: Anh L với tư cách là bị đơn trong vụ kiện có nơi cư trú tại ấp PL, xã PL, huyện PT, tỉnh An Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang.

Anh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy, sự vắng mặt của anh không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của anh và không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị D có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt chị là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh L kết hôn vào năm 2001 đến năm 2005 thì đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã PL cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 23 ngày 23 tháng 3 năm 2005 nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Xét thấy, vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ lâu, cho đến nay hai bên không quan tâm, chăm sóc, lo lắng cho nhau nên đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị D yêu cầu được ly hôn với anh L là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nghĩ nên chấp nhận.

Về con chung: Chị D, anh L có 01 đứa con chung tên Huỳnh Thị Mỹ A, sinh ngày 28/02/2002. Xét thấy, từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay cháu A đã sống chung với chị D, dưới sự chăm sóc, giáo dục của chị, cháu A đang sinh sống ổn định và phát triển bình thường, chị D có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu A nên yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu A của chị là phù hợp với nguyện vọng của cháu A và phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81

Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nghĩ nên tiếp tục giao cháu A cho chị D nuôi dưỡng. Anh L được quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

[3] Về án phí: Chị D yêu cầu ly hôn nên chị phải chịu án phí dân sợ sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0016276 ngày 23/10/2017 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện PT, tỉnh An Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Ngọc D được ly hôn với anh Huỳnh Hữu L.

2. Về con chung: Chị D được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Huỳnh Thị Mỹ A, sinh ngày 28/02/2002. Chị D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không giải quyết. Anh L được quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được ngăn cấm. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết một hoặc hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị D phải chịu án phí dân sợ sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0016276 ngày 23/10/2017 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện PT, tỉnh An Giang.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án, do các đương sự vắng mặt tại phiên tòa nên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Cơ quan Thi hành án huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã, phường, thị trấn;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Hữu Nghĩa